

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NAM TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2023/HS-ST**

Ngày: 19/5/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Anh;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Minh;

Ông Phan Minh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dung, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phúc Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-HS ngày 04/5/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Văn C** - Sinh năm: 1984.

Tên gọi khác: không.

HKTT: Số X, phường T, quận H, thành phố H.

Chỗ ở: Ngõ X, đường T, tổ dân phố N, phường Đ, quận N, thành phố H.

Trình độ học vấn: 12/12 - Nghề nghiệp: lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Con ông: Phùng Văn T - Sinh năm: 1963.

Con bà: Doãn Thị T1 - Sinh năm: 1965.

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Thái Thị T2 - Sinh năm: 1986.

Con: Phùng CA, sinh năm: 2011 và Phùng Công M, sinh năm: 2013.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đầu thú ngày 23/4/2022, tạm giữ từ ngày 24/8/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

**Bị hại: Công ty Cổ phần B.** Địa chỉ trụ sở: Số X đường Đ, phường Y, quận B, thành phố H1. Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tiến Đ, sinh 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, quận N, thành phố H (ông Đ có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/06/2022, Phùng Văn C có ký Hợp đồng lao động số: B02696 - HĐLĐ/BAYA-2022 với Công ty Cổ phần B (địa chỉ tại: số X đường Đ, phường Y, quận B, thành phố H1) với thời hạn hợp đồng từ 01/6/2022 đến 31/6/2023. Sau khi ký hợp đồng, C được công ty bố trí sắp xếp làm Trưởng nhóm quản lý kho và giao nhận tại cửa hàng B, địa chỉ: tầng 1 tòa Z, KĐT M, phường M, quận N, thành phố H. Chức năng, nhiệm vụ của C là: quản lý nhân viên giao hàng trong nhóm; hàng ngày vào hệ thống của công ty để phân loại và nhận các đơn hàng ở khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Nội, sau đó C giao các đơn hàng này cho các nhân viên giao hàng trong nhóm; cuối ngày nhân viên giao hàng sẽ nộp báo cáo giao hàng và tiền hàng đã thu của khách cho C để C cập nhật lên hệ thống của công ty về tình trạng đơn hàng đã hoàn thành và nộp tiền các đơn hàng cho công ty. Từ ngày 04/6/2022 đến ngày 02/8/2022, C đã vào hệ thống của Công ty Cổ phần B để phân loại và nhận 41 đơn hàng của công ty ở khu vực Hà Nội, gồm các mặt hàng: ghế sofa, ghế gỗ, bàn ăn bằng gỗ, giường gỗ, Tivi, kệ tivi, tủ giường, tủ quần áo, ghế văn phòng... sau đó C đã giao các đơn hàng này cho Nguyễn Khắc T3, Nguyễn Văn K, Phạm Văn P, Hoàng Văn H, Hoàng Quốc D, Phùng Văn V (là những nhân viên trong nhóm C quản lý) để đi giao hàng cho khách và thu tiền về đưa cho C để C nộp lại cho công ty. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên C đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao tại Công ty Cổ phần B để chiếm đoạt số tiền 386.657.300 đồng của 41 đơn hàng mà mình đang trực tiếp quản lý, cụ thể:

Từ ngày 04/6/2022 đến 02/8/2022, Phùng Văn C đã giao cho anh **Nguyễn Khắc T3** (Sinh năm 1982, HKTT: Xã N, huyện T, tỉnh H) 21 đơn hàng, gồm: S101.100029 trị giá 8.990.000 đồng; S101.100177 trị giá 14.280.000 đồng; S101.100285 trị giá 20.000.000 đồng; S101.100317 trị giá 8.990.000 đồng; S1010.100318 trị giá

8.990.000 đồng; S190.100105 trị giá 2.010.000 đồng; S105.100304 trị giá 2.990.000 đồng; S101.100700 trị giá 2.650.000 đồng; S190.100126 trị giá 13.890.000 đồng; S190.100154 trị giá 10.550.000 đồng; S101.100877 trị giá 4.654.000 đồng; S105.100436 trị giá 14.930.000 đồng; S190.100167 trị giá 2.289.000 đồng; S190.100221 trị giá 4.139.000 đồng; S105.100771 trị giá 40.000.000 đồng; S101.101545 trị giá 3.000.000 đồng; S290.100176 trị giá 6.990.000 đồng; S190.100330 trị giá 6.990.000 đồng; S101.100400 trị giá 9.216.000 đồng; S101.101082 trị giá 4.742.000 đồng; S190.100359 trị giá 2.790.000 đồng.

Tổng cộng 21 đơn hàng là: 193.080.000 đồng. Anh T3 đã giao hàng, khách đã thanh toán, sau đó đã chuyển khoản và nộp tiền mặt đủ cho C tổng số tiền hàng của 21 đơn hàng là: 193.080.000 đồng. Trong đó anh T3 đã chuyển khoản cho C tổng số 12 đơn hàng với số tiền là 148.224.000 đồng từ số tài khoản 028704060090XXX của anh T3 tại Ngân hàng Quốc tế VIB đến số tài khoản 14020925702XXX của C tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank và đưa tiền mặt 09 đơn hàng với số tiền là 44.856.000 đồng để C nộp số tiền này vào Công ty Cổ phần B, nhưng C không nộp lại cho công ty mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Từ ngày 12/6/2022 đến 22/7/2022, Phùng Văn C đã giao cho anh **Phạm Văn P** (Sinh năm 1992, HKTT: Huyện K, tỉnh H) 06 đơn hàng, gồm: S105.100996, trị giá: 6.381.000 đồng; S190.100077, trị giá: 13.970.000 đồng; S105.100685, trị giá: 11.480.000 đồng; S190.100284, trị giá: 6.990.000 đồng; S101.100938, trị giá 17.285.000 đồng; S105.101103, trị giá 24.539.000 đồng.

Tổng cộng 06 đơn hàng là: 80.645.000 đồng, những đơn hàng trên, anh P đã giao hàng thành công, khách hàng đã thanh toán cho anh P và anh P đã chuyển đủ số tiền 06 đơn hàng cho C, trong đó anh P đã chuyển khoản cho C số tiền: 45.857.000 đồng từ số tài khoản 028704060083XXX của anh P tại Ngân hàng Quốc Tế VIB đến số tài khoản 14020925702XXX của C tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank. Số tiền còn lại 34.788.000 đồng anh P đã chuyển tiền mặt cho C (C đã xác nhận đủ trên bảng chấm công của anh P). Số tiền này C đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết mà không nộp lại cho Công ty.

Từ ngày 07/6/2022 đến 28/7/2022, Phùng Văn C đã giao anh **Nguyễn Văn K** (Sinh năm: 1985, HKTT: số X, ngõ Y, đường Đ, phường M, quận N, thành phố H) 09

đơn hàng, gồm: số S101.100264, trị giá 15.699.000 đồng; S105.100355, trị giá 2.000.000 đồng; S105.100445 trị giá 7.990.000 đồng; S101.101519 trị giá 2.792.000 đồng; số S105.100420 trị giá 4.729.000 đồng; S290.100171 trị giá 6.584.300 đồng; S101.102047, trị giá 8.000.000 đồng; S101.102115 trị giá 5.990.000 đồng; S101.102118 trị giá 9.435.000 đồng.

Tổng cộng 09 đơn hàng là: 63.219.300 đồng, những đơn hàng này anh K đều đã giao thành công cho khách và đã nộp lại tiền cho C cùng với báo cáo giao hàng, trong đó anh K đã chuyển khoản cho C 06 đơn hàng tổng số tiền là 33.356.300 đồng từ số tài khoản 028704060068XXX của anh K tại Ngân hàng Quốc tế VIB đến số tài khoản 14020925702XXX của C tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank, còn lại 29.863.000 đồng anh K chuyển tiền mặt cho C (C xác nhận đã nhận đủ). Số tiền này C không nộp lại cho Công ty Cổ phần B mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 02/7/2022, Phùng Văn C đã giao cho anh **Hoàng Văn H** (Sinh năm: 1981, HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh T) 01 đơn hàng: S190.100235 trị giá 12.980.000 đồng. Anh H đã giao hàng thành công cho khách và khách đã thanh toán đủ tiền cho anh H, sau đó anh H đã nộp lại số tiền này cho C để C nộp vào Công ty Cổ phần B, nhưng C không nộp lại cho công ty mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 30/6/2022, Phùng Văn C đã giao cho anh **Hoàng Quốc D** (Sinh năm: 1982, HKTT: phường Đ, quận B, thành phố) 01 đơn hàng: S190.100215, trị giá 3.396.000 đồng. Anh D đã giao hàng thành công cho khách và khách đã thanh toán đủ tiền cho anh D, sau đó anh D đã nộp lại số tiền này cho C để C nộp vào Công ty Cổ phần B, nhưng C không nộp lại cho công ty mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Từ ngày 06/7/2022 đến 02/8/2022, Phùng Văn C đã giao cho **Phùng Văn V** (Sinh năm: 1992, HKTT: Đội X, thôn Đ, xã L, huyện Q, thành phố H) 03 đơn hàng: S501.100381 trị giá 8.640.000 đồng; S101.101879 trị giá 19.910.000 đồng; S501.100534 trị giá 4.787.000 đồng. Tổng cộng 03 đơn hàng là 33.337.000 đồng. Anh V đã giao hàng thành công cả 03 đơn hàng trên cho khách và được khách đã thanh toán tiền. Anh V đã nộp lại đủ số tiền cho C để C nộp vào Công ty Cổ phần B, nhưng C không nộp lại cho công ty mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Tổng cộng số tiền Phùng Văn C chiếm đoạt của Công ty Cổ phần B là 386.657.300 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu DELL - Vostro 15 do Công ty Cổ phần B đã giao cho Phùng Văn C để làm việc, xác định tài khoản D có các mục: "BC giao hàng tháng 6.2022" và "BC giao hàng tháng 7.2022" phát hiện có các đơn hàng trong khoảng thời gian từ 04/6/2022 đến 02/8/2022 mà Phùng Văn C đã giao cho các nhân viên giao hàng và được các nhân viên giao nộp lại tiền cho C, nhưng C đã không cập nhật vào báo cáo nộp tiền của công ty để chiếm đoạt số tiền hàng này.

Ngày 24/8/2022, Phùng Văn C đến Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về dân sự: gia đình bị cáo Phùng Văn C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 300.000.000 đồng để bồi thường khắc phục cho Công ty Cổ phần B.

Công ty Cổ phần B yêu cầu bị cáo Phùng Văn C phải bồi thường cho Công ty số tiền đã chiếm đoạt là 386.657.300 đồng.

Tại bản cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 17/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm bị cáo Phạm Văn C bị truy tố về tội "Tham ô tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 386.657.300 đồng và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận bị cáo Phùng Văn C đã phạm tội "Tham ô tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Phùng Văn C mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phùng Văn C phải bồi thường cho Công ty Cổ phần B số tiền đã chiếm đoạt là 386.657.300 đồng.

Bị cáo không tham gia tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 04/6/2022 đến 02/8/2022, tại cửa hàng B, địa chỉ: tầng X, tòa Y, Khu đô thị M – S thuộc Công ty Cổ phần B, Phùng Văn C là Trưởng nhóm quản lý kho và giao nhận được giao chức năng, nhiệm vụ: quản lý nhân viên giao hàng trong nhóm, hàng ngày phân loại các đơn hàng, giao các đơn hàng cho các nhân viên giao hàng trong nhóm; sau đó cuối ngày, nhân viên giao hàng sẽ nộp báo cáo giao hàng và tiền hàng đã thu của khách cho C để C cập nhật lên hệ thống của công ty về tình trạng đơn hàng đã hoàn thành và nộp tiền các đơn hàng cho công ty. Tuy nhiên Phùng Văn C đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ được giao tại công ty để chiếm đoạt tổng số tiền 386.657.300 đồng của Công ty Cổ phần B thông qua việc thu tiền của 41 đơn hàng mà C đã giao cho anh Nguyễn Khắc T3, Nguyễn Văn K, Phạm Văn P, Hoàng Quốc D, Phùng Văn V, Hoàng Văn H để chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo khai nhận tội. Gia đình bị cáo Phùng Văn C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 300.000.000 đồng để bồi thường khắc phục cho Công ty Cổ phần B. Công ty Cổ phần B yêu cầu bị cáo Phùng Văn C phải bồi thường cho Công ty số tiền đã chiếm đoạt là 386.657.300 đồng và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo Phùng Văn C đã phạm vào tội “Tham ô tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại Điều 353 của Bộ luật hình sự. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 386.657.300 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm theo điểm d, khoản 2, Điều 353 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý nên cần phải xử lý nghiêm,

áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo C thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 300.000.000 đồng cho cơ quan Điều tra để bồi thường cho Công ty BAYA, Công ty BAYA có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên: Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Không.

[8] Về dân sự: Bị cáo Phùng Văn C phải bồi thường cho Công ty Cổ phần B số tiền đã chiếm đoạt là 386.657.300 đồng. Ghi nhận gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 300.000.000 đồng tại cơ quan Điều tra. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho Công ty B số tiền 86.657.300 đồng.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm d, khoản 2, Điều 353; Điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;
- Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;
- Điều 584, 585 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố bị cáo Phùng Văn C phạm tội “Tham ô tài sản”.**

Xử phạt bị cáo **Phùng Văn C 08 (Tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2022.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về dân sự: Bị cáo Phùng Văn C phải bồi thường cho Công ty Cổ phần B số tiền đã chiếm đoạt là 386.657.300 đồng. Ghi nhận gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 300.000.000 đồng tại cơ quan Điều tra. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho Công ty B số tiền 86.657.300 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Phùng Văn C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.332.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thúy Anh**